

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2024/HC-PT

Ngày: 29/02/2024

“Khiếu kiện quyết định hành chính”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 605/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 8 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1257/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Ông Phạm Văn H, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ A, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Có mặt).

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Bà Phạm Thị Lan H1; Địa chỉ: Tổ A, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:** Ông Trần Trọng G, luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (Vắng mặt).

**\* Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Địa chỉ: Số B B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Tiến D, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Trần Văn C, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H (Có mặt).

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Địa chỉ: phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Việt H2, chức vụ: Chủ tịch UBND phường H (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Công ty cổ phần X; Địa chỉ: Số C, tổ A, khu B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Trọng Q, chức vụ: Giám đốc Công ty (Vắng mặt).

3. Trung đoàn tên lửa 213 - Sư đoàn Phòng không C1 - Quân chủng Phòng không không quân; Địa chỉ: Phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Bùi Tiến D1, chức vụ: Trung đoàn trưởng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị B; Địa chỉ: Tổ A, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà B:* Bà Phạm Thị Lan H1; Địa chỉ: Tổ A, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Có mặt).

***Người kháng cáo:*** Ông Phạm Văn H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện trình bày:***

Năm 2002, vợ chồng ông H nhận chuyển nhượng thửa đất vườn của vợ chồng ông Lê Văn H3 và bà Vũ Thị L thửa đất tại tổ A, khu C, phường H, thành phố H. Năm 2009 được UBND thành phố H cấp GCNQSD đất số AP 433977, số vào sổ H43020 ngày 30/11/2009, diện tích 1.193m<sup>2</sup>, trong đó có 1.000m<sup>2</sup> đất ở và 193m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm.

Ngày 10/01/2019, UBND thành phố H ban hành Thông báo số 24/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H.

Ngày 07/5/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3631/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.706,4m<sup>2</sup> đất tại thửa 14/1/GPMB trong 2.070,2m<sup>2</sup> do hộ ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B đang quản lý, sử dụng tại tổ A, khu C, phường H để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu dân cư P.

Ngày 23/5/2020, ông H nhận được hồ sơ liên quan đến việc thu hồi đất gồm: Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường; Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 về việc thu hồi đất; Thông báo số 1568/TB-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông H. Theo nội dung các văn bản này, gia đình ông H bị thu hồi 1.706,4m<sup>2</sup> tại thửa 14/1/GPMB trên tổng số 2.070,2m<sup>2</sup> đất do gia đình ông H đang quản lý, sử dụng thực tế. Trong đó:

- Thu hồi 1.000m<sup>2</sup> đất ở, giá đền bù: 3.360.000đ/m<sup>2</sup> (áp dụng cho loại đất ở phường H: Mục 4 - đường khu dân cư đoạn từ Đường Trạm điện 110 đến Đường B - 3. Đường nhánh nhỏ hơn 2m - quy định tại Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Q.

- Thu hồi 193m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, giá đền bù 75.000đ/m<sup>2</sup>.

- 309,9m<sup>2</sup> không thu hồi do đất an ninh quốc phòng, nhưng đất này không phải đất quốc phòng vì có ranh giới mà chính quyền địa phương (phường H) đã xác nhận ranh giới cho gia đình ông H. Người giúp ông H mua miếng đất là Nguyễn Văn P - Cán bộ địa chính phường H.

- 254,6m<sup>2</sup> đất thuộc khu đo 1/5000 và 3,4m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất có ký hiệu đất giao thông UBND phường H: Không bồi thường, không hỗ trợ do là đất UBND phường H quản lý.

- Diện tích còn lại là 363,8m<sup>2</sup> mặc dù không nằm trong ranh giới quy hoạch dự án nhưng cũng sẽ thu hồi nốt do phần đất còn lại này méo mó trong GCNQSD đất, không đủ điều kiện để ở.

Ngày 22/5/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất ra Thông báo số 1568/TB-PTQĐ về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ dân để thực hiện Dự án. Theo đó Trung tâm phát triển quỹ đất yêu cầu gia đình ông H ngày 26/5/2020 đến địa điểm trả tiền để nhận tiền bồi thường cả đất và tài sản trên đất là 4.513.566.000đ.

Theo Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, Công ty CP X1 có trách nhiệm thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông theo phương án được UBND thành phố H phê duyệt.

Tuy nhiên, gia đình ông không đồng ý việc thu hồi đất, không đồng ý nhận tiền bồi thường và hỗ trợ. Ngày 02/6/2020, UBND phường H tổ chức buổi họp vận động các hộ dân nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Ngày 11/6/2020, sau khi biết không thành công trong việc vận động gia đình ông nhận đền bù và giao mặt bằng, UBND thành phố H ban hành Quyết

định số 412/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với gia đình ông.

Tại bản tự khai đề ngày 25/6/2022, ông Phạm Văn H có quan điểm: Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H là trái pháp luật; dự án khu dân cư phường H chưa đủ điều kiện thu hồi đất, không phải dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013 mà là dự án thu hồi đất để phân lô bán nền, giao đất cho chủ đầu tư kinh doanh bất động sản bán thu lợi nhuận. Dự án bị cấp trùng lên dự án khai thác than, chưa hoàn thành thủ tục pháp lý, chưa thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng, chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính, chưa được bàn giao đất tại thực địa, đã bị yêu cầu tạm dừng thi công, vi phạm pháp luật về đất đai trong quá trình thu hồi đất thực hiện dự án, vi phạm căn cứ thu hồi đất, vi phạm quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, vi phạm nguyên tắc bồi thường về đất, gây thiệt hại về vật chất và tinh thần cho gia đình ông.

Tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 07/9/2022, ông Phạm Văn H trình bày: Gia đình ông đã được UBND thành phố H cấp GCNQSD đất số H43020 ngày 30/11/2009 diện tích 1.193m<sup>2</sup> đất, trong đó có 1.000m<sup>2</sup> là đất ở. Nay UBND thành phố H thu hồi đất để thực hiện dự án thì ông yêu cầu UBND thành phố H phải bồi thường đất ở cho gia đình ông theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai.

Tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 23/3/2023, ông H yêu cầu bồi thường bằng đất ở diện tích và vị trí tương đương hoặc bồi thường bằng 03 ô đất ở tái định cư theo giá của Nhà nước.

Ông cho rằng quyền lợi bị xâm phạm nên ông H khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H về việc thu hồi 1.706,4m<sup>2</sup> đất tại thửa 14/1/GPMB trong 2.070,2m<sup>2</sup> do hộ ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B đang quản lý tại tổ A, khu C, phường H để thực hiện bồi thường GPMB thực hiện dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H và hủy Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B trú tại tổ A, khu B phường Y (Địa chỉ GPMB: tổ A, khu C, phường H) để thực hiện GPMB thực hiện dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H.

2. Buộc UBND thành phố H phải lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 23/3/2023, ông Phạm Văn H có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu UBND thành phố H bồi thường cho gia đình ông mảnh đất có giá trị tương



đương với giá trị hiện tại của mảnh đất bị thu hồi hoặc bồi thường cho ông 03 lô đất theo giá Nhà nước.

***Quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của UBND thành phố H có quan điểm:***

Ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B sử dụng thửa đất số 14 tờ số 01 bản đồ GPMB thực hiện dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H, cụ thể:

Dự án thu hồi hết tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng 2.070,2m<sup>2</sup> của ông bà, trong đó:

- Diện tích thửa 53/37/BĐĐC - Vũ Hồng M (diện tích còn lại 54,4m<sup>2</sup> trong giấy cấp, có hình thể kích thước các cạnh không đủ điều kiện xây dựng thu hồi hết): 1.138,5m<sup>2</sup>.

- Diện tích thửa 52/37/BĐĐC: 309,9m<sup>2</sup> thuộc đất An ninh quốc phòng.

- Diện tích thửa đất thuộc khu đo 1/5000: 254,6m<sup>2</sup>. Đất do UBND phường H quản lý.

- Diện tích thuộc đất giao thông: 3,4m<sup>2</sup>, UBND phường quản lý.

- Diện tích còn lại: 363,8m<sup>2</sup> (thu hồi hết do hình thể kích thước thửa đất không đảm bảo, không sử dụng được).

Theo bản chứng nhận nhà, đất của UBND, UBMT tổ quốc phường H ngày 02/5/2019:

- \* Đối với diện tích đất trong trích thửa địa chính gia đình đăng ký:

- Nguồn gốc: Năm 1989 do ông Vũ Hồng M khai phá, đến năm 2001 chuyển nhượng cho ông bà Lê Văn H3 - Vũ Thị L. Năm 2002, ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B nhận chuyển nhượng của ông, bà Lê Văn H3, Vũ Thị L; đến năm 2009 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP433977, số vào sổ H43020 ngày 30/11/2009 mang tên Phạm Văn H - Nguyễn Thị B với diện tích: 1.193m<sup>2</sup> (trong đó đất ở: 1.000m<sup>2</sup>; đất TCLN 193m<sup>2</sup>).

- Thực hiện nghĩa vụ thuế hàng năm: Đầy đủ.

Quá trình sử dụng:

- + Từ năm 1989 đến năm 2001 do ông Vũ Hồng M sử dụng để làm vườn.

- + Từ năm 2001 đến tháng 7/2002 do ông Lê Văn H3, bà Vũ Thị L sử dụng để làm vườn.

- + Từ tháng 7/2002 đến nay do ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B sử dụng làm nhà xưởng sản xuất.

- Thời điểm xây dựng các công trình chính nằm trong ranh giới GPMB: Nhà xưởng do ông Lê Văn H3, bà Vũ Thị L xây dựng năm 2002.

- \* Đối với diện tích đất ngoài trích thửa địa chính gia đình đăng ký:

- Gia đình tự sử dụng từ năm 2002.
- Quá trình sử dụng: Từ năm 2002 đến nay do ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B sử dụng để làm vườn.
- Thời điểm xây dựng công trình nằm trong ranh giới GPMB: Không.
- Về cây, hoa màu: Do gia đình ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B trồng.
- Thửa đất khác trên cùng địa bàn phường: Không có (Ngoài thửa đất GPMB để thực hiện dự án thì gia đình ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B có nhà ở, đất ở khác tại tổ C, khu B phường Y, thành phố H).

Phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 cụ thể:

*a) Phần đất:*

- Bồi thường đất ở thu hồi vĩnh viễn (Thửa 53/37/BĐĐC- Vũ Hồng M): Diện tích  $1000\text{m}^2 \times 3.360.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 100\%$ .
- Bồi thường đất trồng cây lâu năm thu hồi vĩnh viễn (Thửa 53/37/BĐĐC- Vũ Hồng Minh): Diện tích  $193\text{m}^2 \times 75.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 100\%$ .
- Diện tích  $309,9\text{m}^2$  thuộc thửa 52/37/BĐĐC - đất An ninh quốc phòng, không thu hồi.
- Diện tích  $254,6\text{m}^2$  thuộc đất khu đo 1/5000 và diện tích  $3,4\text{m}^2$  đất thuộc thửa đất có ký hiệu đất giao thông do UBND phường quản lý không bồi thường, không hỗ trợ theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

*b) Công trình kiến trúc:*

- Công trình kiến trúc xây dựng trong GCNQSDĐ bồi thường 100% theo Điều 21 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q.
- Công trình kiến trúc xây dựng ngoài GCNQSDĐ: Hỗ trợ 50% theo điểm b, khoản 2, Điều 25 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q.

*c) Cây hoa màu:* Bồi thường theo mật độ tiêu chuẩn.

*d) Chính sách hỗ trợ:* Bồi thường chi phí di chuyển.

*e) Tái định cư:* Gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo Điều 18 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q.

Tổng giá trị bồi thường được phê duyệt là: 4.513.566.000đ.

Hộ ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng ngày 10/8/2020.

Quan điểm của UBND thành phố H:

**Đối với nội dung khởi kiện:** Phần diện tích  $254,6\text{m}^2$  thuộc đất khu đo 1/5000 mang tên UBND phường;  $3,4\text{m}^2$  thuộc thửa đất có ký hiệu đất giao thông

*do Nhà nước quản lý không bồi thường, không hỗ trợ là không chính xác, gây thiệt hại cho gia đình ông H:*

Theo bản chứng nhận nhà, đất của UBND, UBMT tổ quốc phường H ngày 02/5/2019: Đối với phần diện tích đất ngoài trích thửa địa chính gia đình đăng ký:

- Phần diện tích 254,6m<sup>2</sup> thuộc đất khu đo 1/5000 mang tên UBND phường và phần diện tích 3,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất có ký hiệu đất giao thông do nhà nước quản lý: Gia đình tự sử dụng từ năm 2002. Quá trình sử dụng: Từ năm 2002 đến nay do ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B sử dụng để làm vườn.

Căn cứ khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất:

*“Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:*

*4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này”.*

Do gia đình tự sử dụng từ năm 2002 đến năm 2009 tại thời điểm cấp GCNQSDĐ phần diện tích trên không được cấp GCNQSDĐ. Đối chiếu với quy định nêu trên phần diện tích 254,6m<sup>2</sup> thuộc đất khu đo 1/5000 mang tên UBND phường và phần diện tích 3,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất có ký hiệu đất giao thông không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ nên không đủ điều kiện bồi thường. Do đó, nội dung khởi kiện của ông Phạm Văn H không có cơ sở xem xét, giải quyết.

**Đối với nội dung khởi kiện:** *Phần diện tích 309,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 52/37/BĐĐC: đất An ninh - Quốc phòng (không thu hồi) đề nghị xem xét rõ căn cứ gì để cho rằng phần diện tích này là đất An ninh - Quốc phòng.*

Căn cứ bản chứng nhận nhà, đất của UBND, UBMT tổ quốc phường H ngày 02/5/2019 và hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2000, thửa 52 tờ BĐĐC số 37 tên chủ sử dụng: Quân chủng PKKQ Sư đoàn C2, mục đích sử dụng: An ninh quốc phòng.

**Đối với nội dung khởi kiện:** *Phần diện tích còn lại 363,8m<sup>2</sup>: đất không nằm trong ranh giới quy hoạch dự án, không bồi thường, không hỗ trợ là không chính xác, gây thiệt hại cho gia đình.*

Phần diện tích còn lại: 363,8m<sup>2</sup>, bao gồm:

- Diện tích 47,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 52/37/BĐĐC - Quân chủng PKKQ Sư đoàn C2: trả lại cho Quân chủng PKKQ Sư đoàn C2;

- Diện tích 35,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 53/37/BĐĐC - Vũ Hồng Minh diện tích còn lại trong giấy cấp có hình thể kích thước các cạnh không đủ điều kiện xây dựng

thu hồi hết, đã bồi thường đất trồng cây lâu năm tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H;

- Diện tích 241,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 55/37/BĐĐC - L: Trả lại cho hộ ông Lê Văn H3;

- Diện tích 39,7m<sup>2</sup> thuộc đất giao thông - UBND phường: Không thu hồi.

Do đó, nội dung khởi kiện của ông Phạm Văn H không có cơ sở xem xét, giải quyết.

**Đối với nội dung khởi kiện:** Đơn giá bồi thường 3.360.000đ/m<sup>2</sup> là chưa sát thực tế cũng như thời điểm thu hồi đất. Đề nghị xem xét bồi thường theo mức giá đất nằm ở mặt đường chính.

Theo hiện trạng GPMB, thửa đất số 53/37/BĐĐC của hộ ông H thuộc cung đường nhánh nhỏ hơn 2m - Mục 4 - Đường khu dân đoạn từ Đường vào trạm điện 110 đến Đường B theo đó áp dụng đơn giá bồi thường đất ở quy định tại Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Q là 3.360.000đ.

Mặt khác, tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, chuyển đổi 1000m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm sang đất ở của thửa đất 53/37/BĐĐC đối với hộ ông Phạm Văn H thì giá thu tiền sử dụng đất áp dụng đơn giá đất ở theo Quyết định số 4158/2008/QĐ-UB của UBND tỉnh Q ngày 31/12/2008 là 180.000đ/m<sup>2</sup> áp dụng thu giá tại cung đường nhánh (ngõ) có chiều rộng nhỏ hơn 2m - Đoạn đường vào trạm điện 110 đến đường B.

Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, chuyển đổi 1000m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm sang đất ở thì hộ ông Phạm Văn H đang thực hiện việc nộp nghĩa vụ tài chính đối với cung đường nhánh nhỏ hơn 2m - Mục 4 - Đường khu dân đoạn từ đường vào trạm điện 110 đến đường B.

Như vậy, việc áp dụng giá đất bồi thường, hỗ trợ nêu trên theo quy định của UBND tỉnh Q là đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, nội dung khởi kiện đề nghị được bồi thường theo đơn giá đất ở thuộc mặt đường chính của ông Phạm Văn H không có cơ sở xem xét, giải quyết.

**Đối với nội dung:** Đề nghị bồi thường 100% công trình, kiến trúc xây dựng trên phần diện tích 254,6m<sup>2</sup> thuộc đất khu đo 1/5000 mang tên UBND phường và 3,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất có ký hiệu đất giao thông do nhà nước quản lý.

Theo bản chứng nhận nhà, đất của UBND, UBMT tổ quốc phường H ngày 02/5/2019:

- Thời điểm XD các công trình: Nhà xưởng xây dựng năm 2002 do ông Lê Văn H3 - Vũ Thị L xây dựng.

Phần diện tích 254,6m<sup>2</sup> thuộc đất khu đo 1/5000 mang tên UBND phường và 3,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất có ký hiệu đất giao thông do nhà nước quản lý, gia đình tự sử dụng từ năm 2002 đến nay vào mục đích làm vườn, do đó không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013. Theo hồ sơ kiểm đếm phần công trình, kiến trúc của hộ ông H có một phần xây dựng trên đất ở và một phần nằm ngoài giấy CNQSDĐ thuộc 2 thửa trên.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 25 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q, cụ thể:

“2. Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất.

b) Xây dựng từ 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 thì được hỗ trợ 50% giá trị nhà, công trình”.

Từ những căn cứ trên, UBND thành phố phê duyệt hỗ trợ 50% công trình kiến trúc nằm ngoài GCNQSDĐ thuộc 02 thửa đất do nhà nước quản lý trên là đúng quy định. Do đó, nội dung khởi kiện của ông Phạm Văn H không có cơ sở xem xét, giải quyết.

**Đối với nội dung:** *Quyết định phê duyệt phương án số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H là không đúng do dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H không phải dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích Quốc gia công cộng.*

Ngày 12/01/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định 185/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư tại phường H, thành phố H.

Ngày 16/7/2018, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2651/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H.

Ngày 07/12/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh Q ban hành Nghị quyết số 149/NQ-HĐND về việc thông qua nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, trồng rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, danh mục các dự án thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh đợt 2 năm 2018 và nội dung thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất định kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 10/01/2019, UBND thành phố H ban hành Thông báo số 24/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Khu dân cư tại phường H, thành phố H.



Ngày 03/6/2019, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2219/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của Thành phố H.

Ngày 05/7/2019, UBND tỉnh Q ban hành Nghị quyết số 183/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất, có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh đợt 2 năm 2019.

Như vậy, việc thực hiện công tác GPMB dự án được thực hiện theo Thông báo thu hồi đất số 24/TB-UBND ngày 10/01/2019 của UBND thành phố H, thực hiện thu hồi đất theo khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013.

Từ những căn cứ trên, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H cho hộ ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B là đúng quy định hiện hành. UBND thành phố đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Phạm Văn H.

Tại Văn bản số 7068/UBND ngày 13/9/2022, UBND thành phố H có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Phạm Văn H về việc buộc UBND thành phố H bồi thường bằng đất ở cho gia đình ông H như sau:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 về việc bồi thường về đất ở:

*“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam mà có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường như sau:*

*a) Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở thì Nhà nước bồi thường bằng tiền”;*

Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

*“2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.*

Theo bản chứng nhận nhà, đất ngày 02/5/2019 của UBND, UBMTTQ phường H, có nội dung: Ngoài thửa đất GPMB để thực hiện dự án thì gia đình ông bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B có nhà ở, đất ở khác tại tổ C, khu B, phường Y, thành phố H.

Từ căn cứ trên, thể hiện hộ ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B thuộc diện bị thu hồi hết thửa đất đủ điều kiện được bồi thường là đất ở đối với phần diện tích 1000m<sup>2</sup> trong GCNQSD đất, nhưng không đủ điều kiện được bố trí tái định cư do gia đình không ở tại nơi bồi thường và còn nhà ở, đất ở khác tại tổ C, khu B phường Y theo quy định tại Điều 18 quy định kèm theo Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q về việc bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở. Phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND thành phố H ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt là đúng quy định. Ngày 07/8/2022, hộ ông Phạm Văn H đã ký biên bản bàn giao mặt bằng thực hiện dự án và ngày 10/8/2020 gia đình nhận tiền phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định và nhận tiền hỗ trợ ngoài chính sách do Công ty Cổ phần X1 hỗ trợ ngoài chính sách với số tiền 500.000.000đ. Tại thời điểm nhận tiền hộ ông Phạm Văn H đã đồng ý phương án và không có kiến nghị được bồi thường bằng đất.

Mặt khác, căn cứ Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011, quy định về thời hiệu khiếu nại:

*“Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.*

*Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại”.*

Căn cứ khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về các khiếu nại không được thụ lý giải quyết: *“6. Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng”.*

Từ những căn cứ trên, UBND thành phố H nhận thấy đơn khiếu nại của ông Phạm Văn H không đủ điều kiện thụ lý giải quyết vì lý do sau đây:

Căn cứ Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B trú tại tổ A, khu B phường Y thuộc diện GPMB dự án: Khu dân cư tại phường H, thành phố H”. Kể từ thời điểm nhận được Quyết định phê duyệt phương án năm 2020 cho đến tháng 8/2022, hộ ông H không có đơn khiếu nại về việc bồi thường bằng đất ở cho gia đình. Đến ngày 07/9/2022, ông H mới kiến nghị, khiếu nại về nội dung này. Do đó nội dung khiếu nại đến nay đã hết thời hiệu giải quyết, không đủ điều kiện thụ lý theo quy định. Vì vậy đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Phạm Văn H.

Bà Nguyễn Thị B có quan điểm đồng ý với quan điểm khởi kiện của ông Phạm Văn H.

*Đại diện theo ủy quyền của UBND phường H có quan điểm thống nhất như quan điểm của UBND thành phố H về nguồn gốc thửa đất làm căn cứ để UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường.*

*Đại diện Trung đoàn TL 213 - Sư đoàn P1 363 quân chủng Phòng không không quân có quan điểm:* Trận địa H thuộc phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh được cấp GCNQSD đất số AH 893234 ngày 19/3/2008, diện tích 4.733,1m<sup>2</sup>. Qua kiểm tra hồ sơ và thực địa, Trung đoàn nhận thấy thửa đất số 53/37/BĐĐC diện tích 309,9m<sup>2</sup> của ông H không nằm trong diện tích Trung đoàn quản lý nên không có liên quan đến thửa đất này.

*Công ty cổ phần X1 có quan điểm:* Việc ông Phạm Văn H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3631/QĐ-UBND và Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H về thu hồi đất phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B không liên quan đến trách nhiệm của Công ty.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H về các nội dung:

- Hủy Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H về việc thu hồi 1.706,4m<sup>2</sup> đất tại thửa 14/1/GPMB trong 2.070,2m<sup>2</sup> do hộ ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B đang quản lý tại tổ A, khu C, phường H để thực hiện bồi thường GPMB thực hiện dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H và hủy Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B trú tại tổ A, khu B phường Y (Địa chỉ GPMB: tổ A, khu C, phường H) để thực hiện GPMB thực hiện dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H.

- Buộc UBND thành phố H phải lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/6/2023 người khởi kiện ông Phạm Văn H

có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường H, Công ty cổ phần X đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; UBND thành phố H, Trung đoàn tên lửa 213 - Sư đoàn Phòng không C1 - Quân chủng Phòng không không quân vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo và cho rằng việc thu hồi đất đối với ông H không thuộc bất kỳ trường hợp nào quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét việc dự án nằm trong ranh giới quản lý tài nguyên khoáng sản B1 của Tập đoàn T và nằm trong ranh giới trên mặt 03 dự án khai thác than hầm lò và 01 dự án thăm dò than theo quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016, do đó không phù hợp để xây dựng khu dân cư và trái với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xem xét việc UBND thành phố H đã vi phạm nguyên tắc trong quy hoạch, vi phạm điều cấm của Luật quy hoạch. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định UBND thành phố H đã triển khai thực hiện dự án đúng về trình tự thủ tục và cho rằng việc bồi thường về đất của UBND thành phố H là có căn cứ và đúng quy định là không đúng và không xem xét đến các chứng cứ mà gia đình người khởi kiện cung cấp. Đối với diện tích 309,9m<sup>2</sup> đất, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đất an ninh quốc phòng là không đúng và không có căn cứ, bởi lẽ Trung đoàn TL 213 đã có văn bản xác nhận không được bàn giao và sổ đỏ của Trung đoàn TL 213 cũng không thể hiện phần diện tích đất 309,2m<sup>2</sup> này. Đối với phần diện tích đất 363,8m<sup>2</sup> không nằm trong ranh giới quy hoạch dự án nhưng vẫn bị UBND thành phố H thu hồi với lý do phần đất còn lại méo mó trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đủ điều kiện để ở là hoàn toàn không đúng. Đối với phần diện tích 254m<sup>2</sup> và 3,4m<sup>2</sup> theo bản đồ mô tả ranh giới và kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, phần diện tích 254,6m<sup>2</sup> gồm hai phần là 41m<sup>2</sup> và 213,6m<sup>2</sup> nằm ngoài Giấy CNQSDĐ. Theo phương án bồi thường, phần đất này sử dụng vào mục đích làm vườn từ năm 2002, không có nhà xưởng. UBND thành phố H cho rằng phần diện tích đất này là do Nhà nước quản lý, không bồi thường, hỗ trợ theo Điều 82 Luật Đất đai là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính của UBND thành phố H và buộc UBND thành phố



H phải lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình theo đúng quy định của pháp luật.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi đánh giá tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định pháp luật, xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ cho nội dung kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

#### **[1]. Về tố tụng:**

- Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn H gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, 205 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung đoàn tên lửa 213 - Sư đoàn Phòng không C1- Quân chủng Phòng không không quân có đơn xin xét xử vắng mặt; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

- Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 29/4/2021, ông Phạm Văn H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3631/QĐ-UBND và Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B. Đây là các Quyết định hành chính trong



lĩnh vực quản lý đất đai do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý giải quyết và xác định trong thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với Quyết định số 3969/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của UBND thành phố H về việc đính chính một phần nội dung tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H về thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B; Quyết định số 6424/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố H về việc đính chính một phần nội dung tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND và Quyết định 3969/QĐ-UBND; Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất mặc dù không bị khởi kiện, nhưng là quyết định hành chính có liên quan nên được xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị được bồi thường về đất. UBND thành phố H cho rằng đã hết thời hiệu khiếu nại nên không đủ điều kiện thụ lý. Xét thấy, nội dung yêu cầu này của ông H liên quan đến Quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông H nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu bổ sung của ông H để xem xét trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

**[2]. Về nội dung:** Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

**[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định:**

Căn cứ Quyết định 185/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND thành phố H về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư tại phường H, thành phố H; Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Q về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H; Nghị quyết 149/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Q về việc thông qua nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, trồng rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, danh mục các dự án thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh đợt 2 năm 2018 và nội dung thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất định kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ninh; Thông báo số 24/TB-UBND ngày 10/01/2019 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Khu dân cư tại phường H, thành phố H; Quyết định số

1874/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Q về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường và bố trí tái định cư thực hiện dự án: Khu dân cư P, thành phố H; Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND tỉnh Q về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố H; Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh Q ban hành về việc thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất, có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh đợt 2 năm 2019.

Ngày 07/5/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3631/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.706,4m<sup>2</sup> đất tại thửa 14/1/GPMB trong 2.070,2m<sup>2</sup> do hộ ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B đang quản lý tại tổ A, khu C, phường H để thực hiện bồi thường GPMB thực hiện dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H.

Ngày 07/5/2020 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3629/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B trú tại tổ A, khu B phường Y (Địa chỉ GPMB: tổ A, khu C, phường H) để GPMB thực hiện dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H.

Ngày 18/5/2020 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3969/QĐ-UBND về việc đính chính một phần nội dung tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B trú tại tổ A, khu B phường Y (Địa chỉ GPMB: tổ A, khu C, phường H) để GPMB thực hiện dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H.

Do hộ ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B không đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng nên ngày 11/6/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 412/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B. Sau đó gia đình ông H đã tự nguyện bàn giao tài sản nên UBND thành phố H không thực hiện cưỡng chế đối với hộ ông H.

Ngày 09/7/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6424/QĐ-UBND về việc đính chính một phần nội dung tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2019; Quyết định 3969/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B.

Như vậy, các Quyết định số 3631/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Quyết định số 3629/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 3969/QĐ-UBND về việc đính chính một phần nội dung tại Quyết định

số 3629/QĐ-UBND; Quyết định số 6424/QĐ-UBND về việc đính chính một phần nội dung tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND và Quyết định 3969/QĐ-UBND của UBND thành phố H; Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông, bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B được ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[2.2]. Về nội dung các quyết định hành chính:

[2.2.1]. Xét yêu cầu hủy Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H về thu hồi đất đối với hộ Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B:

Dự án Khu dân cư phường H, thành phố H được UBND thành phố H phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 và được UBND tỉnh Q phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án Khu dân cư P, thành phố H. Công ty Cổ phần X1 được lựa chọn là nhà đầu tư dự án và đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Q thông qua tại Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 và Nghị quyết số 183/NQ-UDDND ngày 05/7/2019 về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đợt 2 năm 2018 và nội dung thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất định kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ninh. Đây là dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013: Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Tại Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 23/10/2019, UBND tỉnh Q đã giao đất (đợt 1) diện tích 36.677,1m<sup>2</sup> cho Công ty Cổ phần X1 để thực hiện dự án Khu dân cư P, thành phố H, thời hạn 36 tháng kể từ ngày được giao đất, dự án vẫn đang được triển khai thực hiện. Quá trình triển khai thực hiện dự án đúng quy định Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, ý kiến của người khởi kiện cho rằng dự án khu dân cư P không thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng là không có cơ sở và yêu cầu hủy Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2.2]. Xét yêu cầu hủy Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B:

Căn cứ bản chứng nhận nhà, đất do UBND, UBMT tổ quốc phường H lập ngày 02/5/2019; Bản đồ địa chính; Bản đồ GPMB; UBND thành phố H đã phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Phạm Văn H tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 cụ thể như sau:

*a) Phần đất:*

- Bồi thường đất ở thu hồi vĩnh viễn (Thửa 53/37/BĐĐC- Vũ Hồng M): Diện tích  $1000\text{m}^2 \times 3.360.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 100\%$ .

- Bồi thường đất trồng cây lâu năm thu hồi vĩnh viễn (Thửa 53/37/BĐĐC- Vũ Hồng Minh): Diện tích  $193\text{m}^2 \times 75.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 100\%$ .

- Diện tích  $309,9\text{m}^2$  thuộc thửa 52/37/BĐĐC - đất An ninh quốc phòng, không thu hồi.

- Diện tích  $254,6\text{m}^2$  thuộc đất khu đo 1/5000 và diện tích  $3,4\text{m}^2$  đất thuộc thửa đất có ký hiệu đất giao thông do UBND phường quản lý không bồi thường, không hỗ trợ theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

*b) Công trình kiến trúc:*

- Công trình kiến trúc xây dựng trong GCNQSDĐ bồi thường 100% theo Điều 21 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q.

- Công trình kiến trúc xây dựng ngoài GCNQSDĐ: Hỗ trợ 50% theo điểm b, khoản 2, Điều 25 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q.

*c) Cây hoa màu:* Bồi thường theo mật độ tiêu chuẩn.

*d) Chính sách hỗ trợ:* Bồi thường chi phí di chuyển.

*e) Tái định cư:* Gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo Điều 18 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q.

Tổng giá trị bồi thường được phê duyệt là: **4.513.566.000đ.**

Gia đình ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị B đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng ngày 10/8/2020.

- Đối với phần diện tích  $254,6\text{m}^2$  thuộc đất khu đo 1/5000 mang tên UBND phường H và phần diện tích  $3,4\text{m}^2$  thuộc thửa đất có ký hiệu đất giao thông gia đình ông H tự sử dụng để làm vườn từ năm 2002, đến năm 2009 tại thời điểm cấp GCNQSDĐ phần diện tích trên không đủ điều kiện để được cấp, nên khi nhà nước thu hồi đất diện tích đất này không được bồi thường là có căn cứ.

- Đối với diện tích  $309,9\text{m}^2$  đất thuộc thửa 52/37/BĐĐC: Tại tờ bản đồ địa chính số 37 năm 2000 của UBND phường H thể hiện vị trí phần diện tích đất  $309,9\text{m}^2$  thuộc thửa đất số 52 - ANQP.



Ông H cho rằng, phần diện tích 309,9m<sup>2</sup> đất gia đình ông đang quản lý, sử dụng là thửa đất ông đã mua lại của bà N từ năm 2002, có giấy tờ viết tay nhưng không có người làm chứng và không đăng ký tại UBND các cấp. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần yêu cầu ông H cung cấp Giấy chuyển nhượng viết tay này nhưng ông H chưa cung cấp được.

Tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 52, tên chủ sử dụng Quân chủng PKKQ Sư đoàn C1, diện tích 4.141,7m<sup>2</sup>; thửa 53, tên chủ sử dụng Vũ Hồng M, diện tích 1.193m<sup>2</sup>; thửa 55, tên chủ sử dụng Lê Văn H3, diện tích 274m<sup>2</sup>. Các tài liệu này được thiết lập năm 2000 có thể hiện về hình thể, kích thước và tọa độ cụ thể, đã được các chủ sử dụng đất liên kế ký xác nhận giáp ranh. Căn cứ vào các tài liệu này thể hiện phần diện tích 309,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 52 tờ bản đồ số 37 bản đồ địa chính.

Tại Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 28/9/2007 của UBND tỉnh Q đã giao 4.733,1m<sup>2</sup> đất cho Trung đoàn TL 213 - Sư đoàn C1 Quân chủng Phòng không không quân; Ranh giới đất giao xác định tại bản đồ hiện trạng xin giao đất tỉ lệ 1/500 đã được Sở T1 kiểm tra, xác nhận ngày 24/9/2007.

Tại Bản đồ hiện trạng xin giao đất của Trung đoàn TL 213 thể hiện tổng diện tích đơn vị đang quản lý là 4.733,1m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích xin giao là 4.595,8m<sup>2</sup>, diện tích thuộc hành lang đường vào khu dân cư là 137,3m<sup>2</sup>. Tại bản đồ hiện trạng này thì diện tích đất Trung đoàn TL 213 đang quản lý và diện tích đất xin giao lớn hơn diện tích thể hiện trong bản đồ địa chính và trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất (4.141,7m<sup>2</sup>).

Như vậy, diện tích hộ gia đình ông H quản lý, sử dụng có một phần thửa đất số 52/37/BĐĐC năm 2000 phường H là đất an ninh quốc phòng. Quá trình lập hồ sơ xin giao đất và cấp GCNQSD đất, năm 2007 Trung đoàn 213 đã ký xác nhận ranh giới với một số hộ dân, có xác nhận của UBND phường H, nhưng Trung đoàn 213 và UBND phường H không căn cứ vào bản đồ địa chính để thiết lập bản đồ hiện trạng, xác định ranh giới xin giao đất, bỏ ra ngoài diện tích đã được xác định trong bản đồ địa chính là đất an ninh quốc phòng là không chính xác. Ông H, bà B khai nhận chuyển nhượng và quản lý, sử dụng diện tích đất này từ năm 2002 nhưng không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh nguồn gốc sử dụng hợp pháp; quá trình sử dụng không kê khai, đăng ký, không thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, nên phần diện tích đất này được xác định là đất do Nhà nước quản lý. Việc gia đình ông H quản lý, sử dụng phần diện tích đất này được xác định là lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý, diện tích



đất này không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

- Xét yêu cầu của ông H đề nghị được bồi thường đối với phần diện tích gia đình ông H quản lý còn lại 363,8m<sup>2</sup> không nằm trong ranh giới quy hoạch dự án; xét thấy:

Căn cứ vào sơ đồ ranh giới, mốc giới, diện tích thửa đất GPMB thể hiện:

+ Diện tích 47,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 52/37/BĐĐC - Quân chủng PKKQ Sư đoàn C2: Trả lại cho Quân chủng PKKQ Sư đoàn 361.

+ Diện tích 35,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 53/37/BĐĐC - Vũ Hồng Minh, diện tích còn lại trong giấy cấp có hình thể kích thước các cạnh không đủ điều kiện xây dựng thu hồi hết, đã bồi thường đất trồng cây lâu năm tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố H.

+ Diện tích 241,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 55/37/BĐĐC - L: Trả lại cho hộ ông Lê Văn H3.

+ Diện tích 39,7m<sup>2</sup> thuộc đất giao thông - UBND phường: Không thu hồi.

Do đó, ông Phạm Văn H cho rằng phần diện tích đất còn lại 363,8m<sup>2</sup> đất không nằm trong ranh giới quy hoạch dự án, không bồi thường, không hỗ trợ, gây thiệt hại cho gia đình là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

- Về đơn giá bồi thường: Ông H cho rằng, hiện nay gia đình ông đang sử dụng lối đi mặt đường chính nên giá đất bồi thường phải áp dụng mức giá đất ở mặt đường chính; xét thấy:

Tại thời điểm cấp GCNQSD đất năm 2009, chuyển đổi 1000m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm sang đất ở, hộ ông Phạm Văn H nộp nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất 53/37/BĐĐC tiếp giáp cung đường nhánh nhỏ hơn 2m - Mục 4 - Đường khu dân đoạn từ Đường vào Trạm điện 110 đến Đường B, áp dụng đơn giá đất ở theo Quyết định số 4158/2008/QĐ-UB của UBND tỉnh ngày 31/12/2008 là 180.000đ/m<sup>2</sup>. Do đó, tại thời điểm thu hồi đất, UBND thành phố H xác định thửa đất số 53/37/BĐĐC của hộ ông Phạm Văn H thuộc cung đường nhánh nhỏ hơn 2m - Mục 4 - Đường khu dân đoạn từ Đường vào Trạm điện 110 đến Đường B, áp dụng giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường quy định tại Điều 1 Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 3/5/2019 của UBND tỉnh Q là 3.360.000đ là đúng quy định.

- Đối với yêu cầu của ông Phạm Văn H đề nghị được bồi thường 100% công trình, kiến trúc xây dựng trên phần diện tích 254,6m<sup>2</sup> thuộc đất khu đo 1/5000 mang tên UBND phường và 3,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất có ký hiệu đất giao thông do nhà nước quản lý:

Căn cứ bản chứng nhận nhà, đất của UBND, UBMT tổ quốc phường H ngày 02/5/2019 thể hiện: Thời điểm xây dựng các công trình: Nhà xưởng xây dựng năm 2002 do ông Lê Văn H3 - Vũ Thị L xây dựng.

Phần diện tích 254,6m<sup>2</sup> thuộc đất khu đo 1/5000 mang tên UBND phường và 3,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất có ký hiệu đất giao thông do nhà nước quản lý, gia đình tự sử dụng từ năm 2002 đến nay vào mục đích làm vườn; do đó không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Theo hồ sơ kiểm đếm phần công trình, kiến trúc của hộ ông H có một phần xây dựng trên đất ở và một phần nằm ngoài GCNQSDĐ thuộc 2 thửa trên.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 quy định ban hành kèm theo Quyết định 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q:

“2. Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất.

b) Xây dựng từ 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 thì được hỗ trợ 50% giá trị nhà, công trình”.

Từ những căn cứ trên, UBND thành phố H phê duyệt hỗ trợ 50% công trình kiến trúc nằm ngoài GCNQSDĐ đất thuộc 2 thửa đất do Nhà nước quản lý là đúng quy định.

- Đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H về việc buộc UBND thành phố H phải bồi thường đất ở cho gia đình ông:

Theo bản chứng nhận nhà, đất do UBND, UBMTTQ phường H lập ngày 02/5/2019 và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Gia đình ông H sử dụng thửa đất diện tích 1.193m<sup>2</sup> đã được cấp GCNQSDĐ đất số AP 433977, sổ vào sổ H 43020 ngày 30/11/2009 mang tên Phạm Văn H - Nguyễn Thị B tại tổ A, khu C, phường H đã bị thu hồi GPMB để thực hiện dự án; trong đó đất ở 1.000m<sup>2</sup>, đất TCLN 193m<sup>2</sup>. Tại địa bàn phường H, gia đình ông H không còn thửa đất nào khác. Ngoài thửa đất bị thu hồi GPMB thực hiện dự án nêu trên thì gia đình ông bà Phạm Văn H - Nguyễn Thị B có nhà ở, đất ở tại tổ C, khu B, phường Y, thành phố H.

Tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 07/5/2020, UBND thành phố H phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông H về nội dung tái định cư như sau: Gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo Điều 18 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q.

Quá trình thực hiện thu hồi đất GPMB, gia đình ông H đề nghị lấy đất thì trả lại bằng đất để công ty tiếp tục kinh doanh và ở. Quá trình giải quyết vụ án,

ông H yêu cầu bồi thường diện tích đất tương đương hoặc bồi thường 03 ô đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

Như vậy, tại thời điểm thu hồi đất hộ ông Phạm Văn H bị thu hồi đất ở nhưng không phải di chuyển chỗ ở do gia đình ông H không ở tại nơi thửa đất thu hồi, bồi thường GPMB. Tại thời điểm có Thông báo thu hồi đất, thửa đất số 14/01/GPMB của hộ ông H không sử dụng để ở mà sử dụng làm nhà xưởng sản xuất. Hộ gia đình ông H đã có nhà ở, đất ở tại tổ C, khu B, phường Y, thành phố H, hộ ông H không thuộc diện khó khăn về chỗ ở.

Căn cứ quy định tại Điều 86 Luật đất đai 2013; Điều 18 Quyết định 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q quy định về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thì hộ gia đình ông H không đủ điều kiện bố trí tái định cư. Ngày 07/8/2020, gia đình ông H đã ký Biên bản bàn giao mặt bằng thực hiện dự án; Ngày 10/8/2020, hộ gia đình ông H đã nhận tiền bồi thường và nhận số tiền 500.000.000 đồng do Công ty cổ phần X1 hỗ trợ ngoài chính sách. Tại thời điểm nhận tiền, hộ ông H đã đồng ý phương án và không có kiến nghị được bồi thường về đất. Do đó, UBND thành phố H không bồi thường bằng đất ở tái định cư cho gia đình ông H là có căn cứ.

Tại phiên tòa, ông H và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND thành phố H cũng thừa nhận đã có trao đổi về bồi thường đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình ông H và đã giới thiệu một số địa điểm dự kiến bồi thường cho ông H, nếu ông H nhất trí thì sẽ báo cáo lãnh đạo thành phố xem xét. Tuy nhiên ông H cho rằng giá đất ở tái định cư của Nhà nước cao hơn giá đất ngoài thị trường nên ông H không đồng ý mua đất.

**[3].** Đối với ý kiến của người khởi kiện cho rằng dự án Khu dân cư tại phường H, thành phố H chòng chéo với dự án của ngành than. Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; được UBND tỉnh Q phê duyệt. Việc thu hồi đất đã được thực hiện xong, dự án vẫn đang tiếp tục được triển khai. Đến thời điểm này không có quyết định nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi dự án. Do đó, ý kiến nêu trên của người khởi kiện không có cơ sở chấp nhận.

**[4].** Từ những phân tích, nhận định nêu trên; xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ quy định của pháp luật, xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Phạm Văn H kháng cáo nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của ông

Phạm Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn H. Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

**\* Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Bích Hải**